

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 28-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Biên.
2. Ông Nguyễn Ngọc Khuê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 05/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T.

Địa chỉ: Số 51B đường B, tiểu khu X, thị trấn T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị A - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1970.

3.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964.

3.3. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt bà A; vắng mặt bà D, ông L, ông T và bà H.

NỘI D VU ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2023, nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T (sau đây viết tắt là Quỹ tín dụng T) và trong quá trình giải quyết

vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Mai Thị A trình bày:

Ngày 17/6/2016, bà Đỗ Thị D đề nghị vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hà Trung, số tiền: 200.000.000 đồng; mục đích vay vốn: kinh doanh; đối tượng vay vốn: thành viên Quỹ tín dụng; thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất 1,06%/tháng; hình thức đảm bảo tiền vay, tài sản bảo đảm tiền vay gồm: diện tích 306m² đất ở, tài sản trên đất là nhà mái bằng + công trình phụ, diện tích 95m².

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Quỹ tín dụng thẩm định khách hàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định và đồng ý cho bà D vay theo Hợp đồng tín dụng số: 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016, phương thức vay vốn: từng lần; số tiền cho vay 200.000.000 đồng.

Ngày 22/06/2016, bà D nhận tiền vay của Quỹ tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số: 2016-1-01-00187/HĐTD ngày 17/06/2016 nêu trên theo phiếu chi số: 01PC0001 ngày 22/06/2016, Giấy nhận nợ, số khế ước: 2016-1-01-00187 ngày 22/06/2016, cụ thể:

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 17/06/2016 đến 17/06/2017).
- Lãi suất cho vay: 12,72%/năm (1,06%/tháng)
- Ngày nhận tiền: 22/06/2016.
- Lãi suất quá hạn: 19,08%/năm (1,59%/tháng)

Tổng dư nợ của bà D với Quỹ tín dụng theo Hợp đồng tín dụng trên, tạm tính đến ngày 27/02/2023: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn 218.845.534 đồng. Tổng cộng là 418.845.534 đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán, bà Đỗ Thị D có tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BR 527270, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01591-HB/3146/QĐ-UBND do UBND huyện Hà Trung cấp ngày 22/11/2013 cho ông Trịnh Văn Lý và bà Đỗ Thị D; Giá trị tài sản bảo đảm 342.380.000 đồng; Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm: Bảo đảm thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng cấp tín dụng khác, các văn bản sửa đổi, bổ sung đã và sẽ ký giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hà Trung với bên thế chấp trong giới hạn số tiền tối đa bằng giá trị tài sản thế chấp. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 153/HĐTC do Văn phòng công chứng Hà Trung chứng nhận ngày 08/07/2014 giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hà Trung với ông Lý và bà D. Hiện nay, ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị H đang trông coi và sử dụng nhà và đất trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã vi phạm các thoả thuận, cam kết đã ký trong Hợp đồng tín dụng nêu trên về nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định hợp đồng cho vay, kể từ ngày 23/6/2017. Quỹ tín dụng T đã nhiều lần thông báo tới bà D yêu cầu bà D trả nợ nhưng bà D vẫn cố tình không trả. Tính đến ngày 28/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm), bà D còn nợ Quỹ tín dụng T số tiền 441.114.247 đồng (tiền gốc 200.000.000đ, tiền lãi 241.114.247đ).

Nay Quỹ tín dụng T yêu cầu Tòa án buộc bà D phải trả cho Quỹ tín dụng toàn bộ số tiền nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh tương ứng tại Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016. T hợp bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp của bà D và ông L theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 153/HĐTC ngày 08/07/2014 đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn là bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông L, ông T, bà H, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết, đăng tin hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng các đương sự trên đều không có mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai của đương sự (ông T, bà H) ngày 18/5/2023 và Biên bản xác minh ngày 03/7/2023 của Tòa án đều thể hiện: Vợ chồng bà D, ông L có đăng ký thường trú tại thôn Đông Trung, xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng từ tháng 02/2019 đến nay bà D và ông L đã đi khỏi địa phương mà chưa trở về.

Quỹ tín dụng T cũng trình bày: Tại Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016 được ký giữa Quỹ tín dụng Hà Trung với bà D; và các tài liệu có liên quan có ghi địa chỉ nơi cư trú của bà D và ông L ở thôn Đông Trung, xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Từ tháng 02/2019 đến nay bà D và ông L đã đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho Quỹ tín dụng T biết về nơi cư trú mới của họ.

Ông T và bà H thống nhất trình bày: Khi bà D và ông L đi khỏi nơi cư trú, ông bà có đến trông coi nhà cho họ. Ông bà có xây dựng thêm 01 nhà bếp có diện tích 27.36 m² và 01 nhà tắm diện tích là 07m² và mua sắm thêm một số tài sản, vật dụng sinh hoạt khác trên thửa đất bà D, ông L đã thế chấp cho Quỹ tín dụng T để vay nợ; ông bà có trách nhiệm tự tháo dỡ các công trình trên đất nêu khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là Quỹ tín dụng T giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện; thống nhất với ý kiến của ông T và bà H đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần công trình trên đất do ông T và bà H tự ý xây dựng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 227 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự; Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ, nhưng đều vắng mặt là vi phạm các Điều 70, 72, 73 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T.

Buộc bà Đỗ Thị D phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hà Trung các khoản tiền vay nợ tính đến ngày 28/9/2023, theo Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016.

Bà Đỗ Thị D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, kể từ ngày 29/9/2023 đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi trả xong các khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016 đã ký giữa bà D với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T.

Về tài sản bảo đảm: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị D không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên, thì Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 153/HĐTC ngày 08/7/2014 để thu hồi nợ.

Về án phí: Buộc bà D phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quỹ tín dụng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị D phải trả nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016 đã ký kết, mục đích sử dụng tiền vay của bà D là để kinh doanh (không có đăng ký kinh doanh). Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Hà Trung thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bà Đỗ Thị D là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố; ông Trịnh Văn L, ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị H đều là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đều không có yêu cầu độc lập đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông L, ông T và bà H.

[2] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 153/HĐTC ngày 08/07/2014 được các bên ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong các hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các bên được pháp luật cho phép.

[2.1] Quá trình thực hiện hợp đồng, trên cơ sở giấy đề nghị vay vốn, bà D đã được Quỹ tín dụng T cho vay với tổng hạn mức là 200.000.000 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016; Phiếu chi ngày

22/6/2016; Giấy nhận nợ số khế ước 2016-1-01-00187 ngày 22/6/2016; Các bảng kê chi tiết trả lãi tiền vay thì đến nay bà D còn nợ Quỹ tín dụng T số tiền gốc là 200.000.000 đồng, số tiền lãi là 241.114.247 đồng. Tổng cộng là 441.114.247 đồng.

[2.2] Quỹ tín dụng T xuất trình các tài liệu, chứng cứ chứng minh là đã thực hiện nhiều biện pháp yêu cầu trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà D không thực hiện. Như vậy, bà D đã vi phạm mục 2.3 khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng là điều khoản về việc bên vay cam kết trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016, bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 23/6/2017.

[2.3] Nay Quỹ tín dụng T yêu cầu bà D phải trả các khoản tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016, tính đến ngày 28/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 441.114.200 đồng (tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 241.114.200 đồng - làm tròn số). Xét thấy, trên cơ sở hồ sơ và giấy đề nghị vay vốn ngày 17/6/2016 của bà D; Quỹ tín dụng T đã ký hợp đồng tín dụng trên với bà D, cho bà D vay vốn để phục vụ kinh doanh. Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự thì bà D là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; và yêu cầu của Quỹ tín dụng T về việc yêu cầu Tòa án buộc bà D trả nợ cho Quỹ tín dụng là yêu cầu thực tế, phù hợp với thỏa thuận đã ký kết giữa các bên, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận buộc bà D phải trả nợ cho Quỹ tín dụng T toàn bộ khoản tiền nợ trên.

[2.4] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Để bảo đảm thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các Hợp đồng tín dụng (trong đó có Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016), Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng cấp tín dụng khác, các văn bản sửa đổi, bổ sung đã và sẽ ký giữa Quỹ tín dụng T với ông L, bà D trong giới hạn số tiền tối đa bằng giá trị tài sản thế chấp, bà D và ông L đã tự nguyện thế chấp quyền sử dụng 306m² đất ở, tài sản trên đất là nhà mái bằng + công trình phụ, diện tích 95m² tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số: BR 527270 do UBND huyện Hà Trung cấp ngày 22/11/2013 cho ông L và bà D thế chấp cho quỹ tín dụng, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 153/HĐTC ngày 08/07/2014. Việc thế chấp tài sản đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Trung và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hà Trung.

[2.5] Theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng thế chấp bất động sản thì tài sản trên được bà D và ông L thế chấp cho Quỹ tín dụng T để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tiền vay (gốc, lãi, lãi phạt quá hạn, phí nếu có) theo hợp đồng cấp tín dụng được ký kết thực hiện, kể từ ngày 08/7/2014 của bà D và ông L đối với Quỹ tín dụng T. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn để bảo đảm việc thu nợ là có căn cứ được chấp nhận.

[2.6] Đối với phân tài sản trên đất: 01 nhà bếp có diện tích 27.36 m² và 01 nhà tắm diện tích là 07m² do ông T và bà H xây dựng trên thửa đất bà D, ông L đã thế chấp cho Quỹ tín dụng T để vay nợ; ông bà có trách nhiệm tự tháo dỡ các công trình trên đất nêu trên khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; ông T, bà H và Quỹ tín dụng T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Toàn bộ yêu cầu của Quỹ tín dụng T được chấp nhận nên bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; Quỹ tín dụng T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26; Điều 6 của Nghị Quyết 236/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Đỗ Thị D phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T các khoản tiền vay nợ tính đến ngày 28/9/2023, theo Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016 là 441.114.200 đồng (tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 241.114.200 đồng - làm tròn số).

Bà Đỗ Thị D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, kể từ ngày 29/9/2023 đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi trả xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00187/HĐTD ngày 17/6/2016 đã ký giữa bà D với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị D không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên, thì Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 306m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số: BR 527270 do UBND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 22/11/2013 cho ông Trịnh Văn L và bà Đỗ Thị D, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 153/HĐTC ngày 08/7/2014 để thu hồi nợ.

3. Án phí: Bà Đỗ Thị D phải chịu 21.644.600 đồng (làm tròn số) tiền án phí dân sơ thẩm.

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền tạm ứng án phí 10.377.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số: AA/2021/0004518 ngày 05/4/2023.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh